

Số: 56 /BC-UBND

Cẩm Mỹ, ngày 04 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
Công tác phòng, chống tham nhũng tháng 03 năm 2022

Kính gửi:

- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Thanh tra tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Thông tư 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 về quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. UBND huyện Cẩm Mỹ báo cáo tình hình thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng tháng 03 năm 2022 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Trong tháng, không ban hành văn bản liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Xác định nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó có pháp luật về PCTN là một khâu quan trọng để thực hiện Chiến lược quốc gia về PCTN và Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Trong những năm qua, UBND huyện luôn chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị; đồng thời tích cực triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật (trong đó, có pháp luật về PCTN) trên phạm vi toàn huyện. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN đã mang lại hiệu quả trong nhận thức, hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: không

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách).

UBND huyện ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” huyện trên cơ sở hợp nhất 14 Ban chỉ đạo trong đó có Ban chỉ đạo phòng, chống AIDS, tội phạm và tệ nạn xã hội huyện Cẩm Mỹ, qua đó phân công trách nhiệm từng thành viên thường xuyên theo dõi, tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, các xã thực hiện các mặt công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung, tội phạm tham nhũng nói riêng.

UBND huyện giao cho Công an huyện, Thanh tra huyện phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện tổ chức kiểm tra về công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương đồng thời tham mưu cho UBND huyện về công tác báo cáo định kỳ.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Triển khai, tuyên truyền sâu rộng trong CBCC nhận thức sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí UBND huyện thường xuyên quán triệt các nội dung về công tác phòng, chống tham nhũng đến tất cả Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức trên địa bàn huyện thông qua các văn bản, các cuộc họp cơ quan, họp chi bộ...

Hàng tháng đều họp giao ban định kỳ trong đó tổ chức triển khai các văn bản QPPL, văn bản mới của cấp trên ban hành đến Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và UBND xã biết để tổ chức triển khai thực hiện đến toàn thể CBCC trong cơ quan.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

UBND huyện tổ chức họp giao ban hàng tháng với các Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và UBND xã để trao đổi công việc, kịp thời chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công việc của kỳ tiếp theo và nhắc nhở CBCC thường xuyên nhận thức sâu sắc về công tác PCTN và áp dụng nhiều biện pháp để phòng ngừa, ngăn chặn, không để tình trạng tham nhũng có cơ hội xảy ra trong CBCC.

Công khai hóa việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài sản của đơn vị hàng tháng, hàng quý tại đơn vị; công tác tổ chức cán bộ, đề bạt, nâng lương, quy hoạch, đào tạo được thực hiện công khai, dân chủ để đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Tiếp tục thực hiện chủ trương của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, góp phần chống tham nhũng, chống lãng phí, UBND huyện tuyên truyền đến các cơ

quan, đơn vị cũng như từng CBCC ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, từ đó nghiêm túc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bằng những hành động cụ thể như: tận dụng quạt máy, gió trời thay cho máy lạnh, tắt cầu dao điện trước khi ra về, mở máy lạnh từ 25°C trở lên, tắt máy lạnh 10 - 15 phút trước khi kết thúc cuộc họp...

Quy định rõ các tiêu chuẩn, định mức, trách nhiệm cán bộ quản lý sử dụng ô tô, xăng xe, điện thoại, điện, nước, chi hỗ trợ tiền lương tăng thêm, chi hỗ trợ các ngày Lễ, Tết, các hoạt động hiếu, hỷ, khen thưởng... đều được công khai, minh bạch. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn, chức danh quản lý nhằm sử dụng kinh phí một cách tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Thực hiện nghiêm yết chuẩn mực xử sự của CBCC tại nơi công cộng; tổng hợp đầy đủ và sao in các nội quy và quy chế về chế độ làm việc để niêm yết tại phòng làm việc cùng các văn bản pháp quy quan trọng liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của công chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, tạo điều kiện cho CBCC thuận tiện học tập, tiếp thu, nhận thức được thuận lợi, dễ dàng, tác động tích cực đến ý thức tuân thủ pháp luật đối với CBCC trong thi hành công vụ.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

UBND huyện thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Việc thực hiện cơ chế một cửa tại địa phương: Các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện tốt Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND huyện đã niêm yết công khai, minh bạch các quy định về thủ tục hồ sơ, trình tự, thời gian, lệ phí giải quyết công việc trên các lĩnh vực như: hộ tịch, chứng thực, đất đai, xây dựng nhà ở, lao động thương binh và xã hội... là những lĩnh vực phải thường xuyên giải quyết các thủ tục hành chính phức tạp, liên quan đến những giao dịch hành chính, dân sự, sinh hoạt hàng ngày của người dân, tổ chức. Nhờ đó, việc giải quyết hồ sơ được tiến hành đúng thời gian quy định.

Hiện tại, CBCC trên địa bàn huyện đều sử dụng thành thạo, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong xử lý công việc hàng ngày, 100% CBCC thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đều được trang bị 01 máy tính riêng; vận hành ổn định phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong quy trình tiếp nhận, xử lý văn bản nên 100% văn bản được tiếp nhận, xử lý có thời hạn và được quản lý

chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra; trừ loại văn bản mật, tất cả văn bản còn lại phát hành ra ngoài đều được gắn tệp, kiểm tra nội dung và được lưu trữ vào cơ sở dữ liệu trên mạng máy tính song song với hồ sơ giấy.

Sử dụng thư điện tử trong công tác phát hành lịch làm việc, giấy mời họp, văn bản nội bộ..., gửi các dự thảo báo cáo tháng, quý, năm, các tài liệu cuộc họp cho người tham dự xem trước... Qua đó rút ngắn và nâng cao chất lượng hội họp.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

UBND huyện đã xây dựng văn bản số 9512/UBND-NC ngày 06/12/2021 về việc triển khai thực hiện minh bạch tài sản thu nhập năm 2021 và quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 về việc phê duyệt danh sách những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, kê khai bổ sung năm 2021. Hiện UBND huyện đã hoàn thành việc kê khai tài sản và nộp về Thanh tra tỉnh theo thời gian quy định.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo: Trong kỳ, không có vụ việc liên quan đến tham nhũng.

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Trong tháng, chưa phát hiện xử lý vụ việc tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán.

Trong tháng, chưa phát hiện xử lý vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trong tháng, chưa phát hiện xử lý vụ việc tham nhũng qua xem xét, phản ánh.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có): Không

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng: Không

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được;

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính;

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp.

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: Không

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu;

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác;

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không

a) Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

b) Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý: (gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện)

c) Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

- Kết quả xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng;

- Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ;

- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu;

- Kết quả phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước;

- Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng.

+ Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về PCTN; kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN; kiến nghị việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng;

+ Động viên Nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng;

+ Cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng;

+ Giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

b) Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng

Trong tháng, không có vụ việc liên quan đến tham nhũng.

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

a) Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng:

Ngay khi nhận được kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng của UBND tỉnh, UBND huyện xây dựng Kế hoạch số 1311/KH-UBND của UBND huyện ngày 01/10/2009 về triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 triển khai Chiến lược này đến toàn thể các cơ quan, đơn vị, UBND các xã trên địa bàn huyện.

b) Kết quả thực hiện các hoạt động về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong phòng, chống tham nhũng và các hoạt động hợp tác quốc tế khác về phòng, chống tham nhũng (nếu có): Không

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG (Báo cáo hằng Quý không phải báo cáo mục này)

1. Đánh giá tình hình

Nhìn chung công tác phòng chống tham nhũng như kê khai thu nhập; thực hiện tiêu chuẩn, định mức; cải cách hành chính; thanh tra; kiểm tra; giải quyết khiếu nại UBND huyện thực hiện tương đối tốt. Việc tuyên truyền giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng được triển khai, quán triệt thường xuyên từ cán bộ đến nhân dân trên địa bàn huyện. Công tác phòng, ngừa tham nhũng cũng được coi trọng, nhất là việc đẩy mạnh trong công tác cải cách hành chính, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, công khai, minh bạch trong thu chi tài chính, mua sắm tài sản, tổ chức cán bộ.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

UBND huyện thường xuyên quán triệt thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng đến CBCC trên địa bàn huyện. Tập trung nắm tình hình và theo dõi về công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực. Phần đầu không để xảy ra tình trạng tham nhũng.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương

Nhìn chung công tác phòng chống tham nhũng như kê khai thu nhập; thực hiện tiêu chuẩn, định mức; cải cách hành chính; thanh tra; kiểm tra; giải quyết khiếu nại UBND huyện thực hiện tương đối tốt. Việc tuyên truyền giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng được triển khai, quán triệt thường xuyên từ cán bộ đến nhân dân trên địa bàn huyện. Công tác phòng, ngừa tham nhũng cũng được coi trọng, nhất là việc đẩy mạnh trong công tác cải cách hành chính, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, công khai, minh bạch trong thu chi tài chính, mua sắm tài sản, tổ chức cán bộ.

2. So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước

Công tác phòng, chống tham nhũng luôn được các cấp, các ngành quan tâm, thường xuyên cập nhật những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Kết quả: trong kỳ này cũng như kỳ trước đều không có hành vi tham nhũng xảy ra trên địa bàn huyện.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng

Trong thời gian qua, với nỗ lực của UBND huyện và nhân dân tình hình tham nhũng từng bước được đẩy lùi. Cụ thể trong thời gian qua không phát hiện hành vi tham nhũng.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng

Việc phổ biến, tuyên truyền về công tác phòng, chống tham nhũng tuy được quan tâm, thực hiện nhưng về hình thức tuyên truyền chưa phong phú chủ yếu là lồng ghép với các văn bản pháp luật khác và tuyên truyền qua đài phát thanh.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG TRONG THÁNG 04 NĂM 2022

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về PCTN gắn với thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; giáo dục CBCC luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức của người cán bộ, công chức, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực.

2. Tiếp tục quán triệt thực hiện sâu sắc hơn Nghị quyết Trung ương 4 chuyên đề về một số nhiệm vụ cấp bách về xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay và tổ chức đánh giá đảng viên theo yêu cầu mới.

3. Phát huy vai trò của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban Thanh tra nhân dân, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cơ sở tham gia giám sát, kiểm tra về công tác phòng, chống tham nhũng.

4. Thực hiện công khai, minh bạch việc quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, tuyển dụng cán bộ, công chức cũng như việc xử lý, kỷ luật cán bộ, công chức. Tiếp tục tăng cường mạnh mẽ hơn nữa vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác PCTN.

5. Quan tâm giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo nhất là các đơn thư tố cáo về tiêu cực, tham nhũng và các lĩnh vực nhạy cảm.

6. Bảo vệ, biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích đấu tranh chống tham nhũng.

7. Triển khai thực hiện kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng tháng 03/2022 và phương hướng nhiệm vụ tháng 04 năm 2022 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của UBND huyện Cẩm Mỹ./. *me*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Chánh, Phó VP.UBH;
- Đăng trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT,NC.

me



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Tường
Lê Văn Tường

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM
NHỮNG THÁNG 03/2022**

Số liệu tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày 28/02/2022

(Kèm theo Báo cáo số: 36/BC-MCND ngày 04 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ)



| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU |
|----|---|------------|---------|
| | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản | 1 |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 0 |
| 3 | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 0 |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức | Lớp | 0 |
| 5 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | Lượt người | 0 |
| 6 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản | Tài liệu | 0 |
| | PHÒNG NGỪA THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ | | |
| | <i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i> | | |
| 7 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | 01 |
| 8 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | 0 |
| | <i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i> | | |
| 9 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới | Văn bản | 0 |
| 10 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ | Văn bản | 0 |
| 11 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Cuộc | 01 |

| | | | |
|----|--|--------------|-----|
| 12 | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Vụ | 0 |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Người | 0 |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính | Người | 0 |
| 15 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự | Người | 0 |
| 16 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 17 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 0 |
| | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i> | | |
| 18 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | CQ, TC, ĐV | 01 |
| 19 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | 0 |
| 20 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | 0 |
| 21 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 22 | Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích | Người | 0 |
| 23 | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ | Người | 0 |
| | <i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i> | | 0 |
| 24 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 0 |
| | <i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i> | | 0 |
| 25 | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục | 313 |
| 26 | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục | 148 |
| 27 | Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên | Lượt thủ tục | 0 |

| | | | |
|------|--|------------|---|
| 28 | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Cuộc | 0 |
| 29 | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Vụ | 0 |
| 30 | Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1) | Triệu đồng | 0 |
| 31 | Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2) | % | 0 |
| | <i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i> | | |
| 32 | Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ | Người | |
| 33 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người | 0 |
| 34 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 35 | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập | Người | 0 |
| 35.1 | <i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i> | Người | 0 |
| 35.2 | <i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i> | Người | 0 |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ | | |
| 36 | Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ | 0 |
| 37 | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người | 0 |
| | <i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i> | | 0 |
| 38 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Vụ | 0 |
| 39 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Người | 0 |
| 40 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Vụ | 0 |
| 41 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Người | 0 |

| | | | |
|----|---|---------|---|
| 42 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng | Vụ | 0 |
| | <i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i> | vụ | 0 |
| 43 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng | Người | 0 |
| | <i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i> | người | 0 |
| | <i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i> | | 0 |
| 44 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Vụ | 0 |
| 45 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người | 0 |
| 46 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra | Vụ | 0 |
| 47 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra | Người | 0 |
| 48 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Vụ | 0 |
| 49 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Người | 0 |
| | <i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i> | | 0 |
| 50 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ việc | 0 |
| 51 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét | Vụ việc | 0 |
| 52 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ | 0 |
| 53 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | người | 0 |
| | <i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i> | | 0 |

| | | | |
|------|---|-------|---|
| 54 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | 0 |
| 55 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | 0 |
| | <i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i> | | 0 |
| 56 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác | Vụ | 0 |
| 57 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác | Người | 0 |
| | <i>Qua điều tra tội phạm</i> | | 0 |
| 58 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 0 |
| 59 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 0 |
| | <i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i> | | 0 |
| 60 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo | Người | 0 |
| 61 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù | Người | 0 |
| 62 | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo | Người | 0 |
| 63 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng | Người | 0 |
| | XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XẢY RA THAM NHƯNG | | 0 |
| 64 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 65 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 66 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người | 0 |
| 66.1 | - <i>Khiển trách</i> | Người | 0 |
| 66.2 | - <i>Cảnh cáo</i> | Người | 0 |

| | | | |
|------|--|----------------|---|
| 66.3 | <i>Cách chức</i> | Người | 0 |
| | XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ | | 0 |
| 67 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Vụ | 0 |
| 68 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: | Người | 0 |
| 68.1 | <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i> | Người | 0 |
| 68.2 | <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i> | Người | 0 |
| 68.3 | <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i> | Người | 0 |
| 68.4 | <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i> | Người | 0 |
| 69 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ | 0 |
| 70 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 71 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ | 0 |
| 72 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người | 0 |
| | <i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i> | | 0 |
| 73 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 74 | Đất đai | m ² | 0 |
| | <i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i> | | 0 |
| 75 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 75.1 | <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i> | Triệu | 0 |

| | | | |
|------|--|----------------|---|
| 75.2 | Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp | Triệu | 0 |
| 76 | Đất đai | m ² | 0 |
| 76.1 | Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính | m ² | 0 |
| 76.2 | Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp | m ² | 0 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | | 0 |
| 77 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 78 | Đất đai | m ² | 0 |
| | PHONG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC | | 0 |
| 79 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý | Tổ chức | 0 |
| 80 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN | Tổ chức | 0 |
| 81 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN | Tổ chức | 0 |
| 82 | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Vụ | 0 |
| 83 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Người | 0 |
| 84 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự | Người | 0 |
| 85 | Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 86 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |

